



# WONDERFARM®

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023**

# NỘI DUNG

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	3
I. THÔNG TIN CHUNG .....	4
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT .....	4
2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	4
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH .....	8
4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	20
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	23
6. QUẢN TRỊ RỦI RO .....	26
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....	27
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	27
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	29
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN .....	31
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	32
5. KÊ KHAI VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2023 .....	34
6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU, CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG	35
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	36
1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	36
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	36
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ .....	36
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI .....	39
5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY .....	40
6. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY .....	40
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	42
1. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	42
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	42
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	43
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	43
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	44
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	44
2. BAN KIỂM SOÁT .....	46
3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ĐƯỢC HỖ TRỢ BỔ NHIỆM VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 .....	48
4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN .....	50
5. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN .....	50
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	51

## THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và tất cả các nhân viên của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Interfood”).**

Gần 33 năm thành lập và phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”, “Interfood”) tự hào vượt qua mọi khó khăn, chuyển mình trước những thăng trầm của nền kinh tế của Việt Nam và thế giới. Suốt chiều dài lịch sử ấy, những thế hệ lãnh đạo, các cổ đông, khách hàng, đối tác kinh doanh, các cán bộ nhân viên tiếp nối cùng nhau xây dựng những giá trị cốt lõi và bản sắc văn hóa riêng cho Interfood.

Đặc biệt trong năm 2023, thay mặt HĐQT của Interfood, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới toàn thể Quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác kinh doanh và các cơ quan, đoàn thể đã ủng hộ, gắn bó và cùng với Interfood vượt qua những trở ngại để hoàn thành mục tiêu về lợi nhuận đã đề ra.

Năm 2023, Interfood đã thực hiện nhiều nỗ lực để nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát chi phí, cơ cấu lại các quy trình quản lý bán hàng, nhân sự cũng như vượt qua nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng việc huy động mọi nguồn lực của IFS và đặt biệt là sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Tập đoàn Kirin.

Năm 2024, dù thị trường thuận lợi hay khó khăn, toàn thể thành viên HĐQT, BGD và CBNV Interfood vẫn luôn kiên định vững bước với các kế hoạch và mục tiêu phía trước. Công ty tiếp tục thực hiện tầm nhìn trung và dài hạn và xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2024 nhằm đẩy nhanh việc xây dựng nền tảng quản lý để tăng trưởng bền vững trong khi vẫn duy trì các khoản đầu tư. Công ty đặt mục tiêu đạt được mức tăng trưởng cao hơn thị trường và tăng doanh số bán hàng cho các thương hiệu ưu tiên của chúng tôi.

Để đạt được các mục tiêu trên, chỉ có HĐQT hay Ban Giám đốc thực hiện là chưa đủ, mà tôi cần có các bạn, các nhân tố quan trọng của Interfood, để cùng tôi, HĐQT, Ban Giám đốc cùng nhau tạo nên một Interfood danh tiếng được toàn xã hội tin tưởng và tiếp tục tăng trưởng bền vững trong tương lai.

**Hãy cùng nhau cố gắng để năm nay tiếp tục là một năm tuyệt vời!**

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## **I. THÔNG TIN CHUNG**

---

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)
- Địa chỉ: Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600245631
- Vốn điều lệ: 871.409.920.000 VNĐ
- Số điện thoại: (0251) 511 138 - Fax: (0251) 512 498
- Website: www.wonderfarmonline.com
- Mã cổ phiếu: IFS

### **2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

**1991** Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế (trước đây gọi là Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế (“IFPI”) – được thành lập vào ngày 16/11/1991 theo giấy phép đầu tư số 270/GP được cấp bởi Ủy ban Nhà nước về Hợp Tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư). IFPI là Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và hoạt động theo Luật Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam. IFPI hoàn toàn sở hữu bởi Trade Ocean Exporters Sdn Bhd (Penang, Malaysia). Vào năm 1996, IFPI đổi chủ sở hữu sang Công ty Trade Ocean Holding Sdn Bhd (Penang, Malaysia) theo giấy phép số 270/GPDC5 ngày 26/02/1996 được cấp bởi Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư.

Hoạt động chính ban đầu của Công ty là chế biến nông sản, thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm để xuất khẩu với tổng vốn đầu tư ban đầu là 1.140.000 đô la Mỹ.

**1994** Công ty mở rộng kinh doanh bằng việc thâm nhập vào thị trường bánh.

**2003** Công ty được phép sản xuất các sản phẩm nước trái cây có ga và nước trái cây có độ cồn nhẹ (5%); vốn đầu tư của Công ty tăng lên thành 23.000.000 đô la Mỹ.

**2004** Tháng 4/2004, Interfood ký hợp đồng sản xuất với AVA Food Industries Ltd. để giảm bớt sự hạn chế về mặt bằng, nhà xưởng và vật tư tại nhà máy Biên Hòa, theo đó, AVA đã cung cấp các tiện ích sản xuất và Interfood đã cung cấp máy móc và kỹ thuật để sản xuất các sản phẩm của Interfood.

**2005** Tháng 1 năm 2005, Công ty được phép sản xuất thêm sản phẩm nước tinh khiết và chai PET. Tổng vốn đầu tư của Công ty tăng lên 30.000.000 đô la Mỹ.

Từ ngày 09/08/2005, Công ty được chuyển thành công ty cổ phần dưới tên Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“IFS”) theo Giấy phép số 270 CPH/GP của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. IFS là một trong 6 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên được Bộ Kế hoạch Đầu tư chấp thuận chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng vốn đầu tư của Công ty là 30.000.000 đô la Mỹ và vốn điều lệ là 13.000.000 đô la Mỹ.

**2006** Công ty chuyển trụ sở và nhà máy chính đến địa điểm mới là Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm này, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng nâng tổng vốn góp chủ sở hữu lên 242.841.600.000 đồng (tương đương 24.284.160 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP). Ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 3.620.560 cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) dưới mã chứng khoán: “IFS”.

**2007** Ngày 16 tháng 10 năm 2007, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng theo tỉ lệ 5:1; theo đó nâng tổng số cổ phần của Công ty được niêm yết tại HOSE là 6.875.359 cổ phần. Tổng vốn đầu tư đăng ký của Công ty tăng lên 1.444.500.000.000 đồng (tương đương 90.000.000 đô la Mỹ) và vốn điều lệ là 291.409.920.000 đồng (tương đương 29.140.992 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ CP) Năm 2007, IFS mua lại 90% vốn góp tại Công ty Cổ phần Thực phẩm AVA (“AVA”) (trước đây là AVA Food Industries Ltd) và trở thành cổ đông chi phối của công ty này. Hoạt động chính của AVA là sản xuất thực phẩm chế biến gồm nước trái cây giải khát, nước uống tinh khiết, bánh mứt kẹo các loại; các sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy hải sản, gia cầm và cho thuê nhà xưởng.

**2008** Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế (trước đây gọi là Công ty Cổ Phần Bao bì Thực phẩm Quốc Tế) đã thành lập với 90% vốn thuộc sở hữu của Công ty, với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 32 triệu đô la Mỹ và 10 triệu đô la Mỹ. Hoạt động chính của Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc tế là sản xuất bao bì thực phẩm và nước giải khát.

Vào ngày 14 tháng 2 năm 2008, Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc Tế Miền Bắc đã được thành lập ở Bắc Ninh với tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ lần lượt là 36 triệu đô la Mỹ và 11 triệu đô la Mỹ. IFS chiếm 90% vốn của công ty này. Tuy nhiên, Công ty không thể thu xếp được nguồn vốn cho dự án hoạt động và đã hoàn tất việc chấm dứt dự án trong tháng 12 năm 2010.

**2009** Cuối năm 2009, Công ty đã ngừng hoạt động nhà máy tại trung tâm Thành phố Biên Hòa và di dời tất cả các dây chuyền sản xuất, thiết bị và hàng tồn kho đến nhà máy trong Khu công nghiệp Tam Phước.

Trong năm 2009, Công ty đã chuyển nhượng 70% vốn góp tại Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế cho Crown Packaging Investment Pte.Ltd.và trở thành cổ đông thiểu số nắm giữ 20% vốn góp tại công ty này. Sau đó, Công ty TNHH Bao bì Thực phẩm Quốc Tế đã đổi tên thành Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đồng Nai (“Crown Đồng Nai”).

**2010** Công ty đã nhượng bán 20% lợi ích đầu tư còn lại của mình tại Crown Đồng Nai cho Crown Packaging Investment Pte. Ltd.

**2011** Ngày 11 tháng 3 năm 2011, Kirin Holdings Company Limited (“Kirin”) đã mua toàn bộ cổ phần của Trade Ocean Holding Sdn Bhd. (“TOH”) và thông qua TOH, Kirin sở hữu 57,25% cổ phần IFS. Kirin là một trong những công ty sản xuất thực phẩm lớn trong khu vực, một công ty cổ phần đại chúng đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Tokyo.

**2012** Tháng 6 năm 2012, Kirin tăng cổ phần của mình trong IFS lên 80,37% (tương đương 23.421.955 cổ phiếu) thông qua việc TOH mua lại tất cả các cổ phiếu đang lưu hành của Indochina Beverage Holdings (“IBH”) – Công ty đang nắm giữ 23,12% (tương đương 6.737.309 CP) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Interfood.

Tháng 12 năm 2012, toàn bộ cổ phần trong Grande Indigo Global Ltd. (bao gồm 1.938.327 cổ phiếu của Interfood) được Kirin mua lại, Grande Indigo Global Ltd. trở thành một công ty liên kết với TOH và IBH.

**2013** Công ty tăng vốn điều lệ từ 291.409.920.000 đồng thành 501.409.920.000 đồng (tương đương 50.140.992 CP), thông qua đợt chào bán cổ phần riêng lẻ cho Kirin Holdings Company Limited, nâng tỷ lệ cổ phần của Kirin tại Công ty lên 92,46%.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó giao dịch trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**2014** Công ty tăng vốn điều lệ từ 501.409.920.000 đồng thành 711.409.920.000 đồng (tương đương 71.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 21.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Company Limited.

**2015** Công ty tăng vốn điều lệ từ 711.409.920.000 đồng thành 871.409.920.000 đồng (tương đương 87.140.920 CP), thông qua việc phát hành riêng lẻ 16.000.000 cổ phần cho Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd. (“KHSPL”), công ty con 100% vốn đầu tư của Kirin Holdings Company, Limited.

Để thống nhất cơ cấu quản lý các công ty con trong Tập đoàn Kirin tại khu vực Đông Nam Á, cuối tháng 12 năm 2015, Kirin đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của mình tại IFS cho KHSPL. Theo đó, KHSPL hiện đang nắm giữ 83.360.282 cổ phần IFS, tương đương 95,66% vốn cổ phần của IFS.

**2016** Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-SGDHN ngày 07/11/2016 của SGDCK Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Thực phẩm Quốc tế, ngày 16/11/2016, cổ phiếu IFS đã chính thức giao dịch trên hệ thống UPCoM.

Căn cứ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2016, Công ty đã tiến hành việc chấm dứt kinh doanh sản phẩm bánh của IFS và công ty AVA để tập trung nguồn lực phát triển ngành kinh doanh chủ lực là Nước giải khát.

**2020** Ngày 07 tháng 4 năm 2020, Công ty đã mua cổ phần của toàn bộ các cổ đông khác tại công ty con là Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“AVA”) nhằm tăng quyền kiểm soát của Công ty tại AVA.

Ngày 10 tháng 4 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2020 đã chấp thuận việc sáp nhập CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM AVA vào CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ.

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chấp thuận và ban hành Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc sáp nhập AVA vào CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ. Theo đó, Công ty sẽ kế thừa toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của AVA theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của AVA.

### 3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

#### ❖ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Chế biến nước trái cây không ga và có ga, chế biến nước giải khát không ga và giải khát không cồn hoặc có độ cồn thấp (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước tinh lọc
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm
3	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến nông sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, muối, ngâm dấm
4	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sản xuất các loại bánh
5	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất các loại thức ăn nhẹ
6	Sản xuất bao bì bằng gỗ Chi tiết: Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát
7	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát
8	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát
9	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và cho nước giải khát
10	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
11	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật



## ❖ CÁC DÒNG SẢN PHẨM

Thương hiệu

Mô tả



WONDERFARM là **thương hiệu thức uống lâu đời** trong mỗi gia đình người Việt. Ngày nay, với sự chăm chút của tập đoàn KIRIN Nhật Bản từ khâu tuyển chọn nguyên liệu cho đến khâu chế biến thủ công, sản phẩm **WONDERFARM thật sự đậm đà hương vị truyền thống Việt Nam.**

Sản phẩm WONDERFARM được chế biến từ các loại trái cây tự nhiên chứa nhiều giá trị dinh dưỡng và có lợi cho sức khỏe. Với công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được quản lý chặt chẽ đã tạo ra các sản phẩm nước giải khát mang đậm hương vị thiên nhiên, với lượng đường vừa đủ giúp người tiêu dùng dễ dàng, tiện lợi trong việc thưởng thức sản phẩm nước trái cây bổ dưỡng mỗi ngày.

# KIRIN

Là thương hiệu Nhật Bản trên 100 năm, KIRIN tự hào mang **niềm vui và sức khỏe** đến người tiêu dùng **thông qua những sản phẩm chất lượng cao**, được chế biến theo kỹ thuật **công nghệ tiên tiến** đúc kết bởi kinh nghiệm của tập đoàn hơn 100 năm qua tại Nhật Bản.

Sản phẩm KIRIN và WONDERFARM chai PET được sản xuất theo dây chuyền Aseptic - công nghệ chiết rót vô trùng hiện đại của Nhật Bản tại nhà máy KIRIN Việt Nam - giúp sản phẩm giữ được hương vị tự nhiên, đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm, không dùng chất bảo quản và màu nhân tạo.

# SẢN PHẨM WONDERFARM



**WONDERFARM**  
Trà Bí Đào

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 lon x 310 ml



**WONDERFARM**  
Trà Bí Đào

Giá chai: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 chai x 280 ml



**WONDERFARM**  
Trà Bí Đào

Giá chai: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 chai x 440 ml



**WONDERFARM**  
Trà Bí Đào ít Đường

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 lon x 310 ml



**WONDERFARM**  
Trà Bí Đào

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 30 lon x 240 ml



**WONDERFARM**  
Nước Sâm Cao Ly

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 30 lon x 240 ml



**WONDERFARM**  
Nước Yến Ngân Nhi

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 30 lon x 240 ml



**WONDERFARM**  
Nước Yến Cao Cấp

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 lon x 180 ml



**WONDERFARM**  
Nước Sữa Dừa

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 30 lon x 240 ml



**WONDERFARM**  
Nước Me

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 lon x 310 ml



**WONDERFARM**  
Nước Chanh Dây

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 lon x 310 ml



**WONDERFARM**  
Trà Xanh Hương Chanh

Giá chai: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 chai x 345 ml



**WONDERFARM**  
Nước Cốt Dừa

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 24 lon x 400 ml



**WONDERFARM**  
Nước Cốt Dừa

Giá lon: \_\_\_\_\_  
Giá thùng: \_\_\_\_\_

Quy cách 30 lon x 160 ml

Hotline:

028 3815 5855



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ**

Office: Viettel Complex, Tòa tháp B, Tầng 16, 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Tp. HCM

**Trà Bí Đao WONDERFARM** với thành phần làm mát tự nhiên giúp thanh lọc, giải nhiệt cơ thể.



Nhãn hiệu nổi tiếng được ưa chuộng hơn 30 năm qua, được xem là sản phẩm Trà Bí Đao bán chạy nhất tại Việt Nam:

- Nguyên liệu tự nhiên: sản xuất từ trái bí đao tươi, cho hương vị tự nhiên và thơm ngon.
- Tốt cho sức khỏe: giới thiệu Trà Bí Đao WONDERFARM ít đường đáp ứng nhu cầu của những khách hàng quan tâm về sức khỏe.
- Thêm lựa chọn với Trà Bí Đao WONDERFARM chai nhựa tiện dụng phù hợp với cuộc sống năng động.

**Nước Yến WONDERFARM** giá trị dinh dưỡng cao, thích hợp làm quà cho bạn bè, người thân.



**Nước Yến Ngân Nhĩ và Nước Yến Cao Cấp** có chứa thành phần dinh dưỡng cân bằng, được chế biến có chứa tổ yến thật kết hợp với đường phèn để tạo ra sản phẩm thơm ngon và có lợi cho sức khỏe.

Thích hợp khi dùng cho việc phục hồi sức khỏe hay các bữa tiệc chung vui cùng gia đình, bè bạn. Ngoài ra Nước Yến WONDERFARM còn rất thích hợp khi dùng làm quà biếu tặng.

## Nước giải khát WONDERFARM

Được chế biến từ nguồn nguyên liệu tươi phong phú tại Việt Nam, vừa giúp đảm bảo được nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm vừa đảm bảo hương vị mang tính truyền thống, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng Việt.



**Nước cốt dừa WONDERFARM** thơm ngon nguyên chất là nguyên liệu không thể thiếu trong bếp của bà nội trợ Việt.



Sản phẩm nước cốt dừa được sản xuất trực tiếp từ nguồn nguyên liệu dừa tươi tại Bến Tre để tạo ra nhiều loại sản phẩm với hương vị và cách thức sử dụng khác nhau. Mỗi loại sản phẩm đem đến sự đa dạng trong sử dụng.

Được tin dùng trong cuộc thi Master Chef Việt Nam và các nhà hàng trên toàn quốc.

# SẢN PHẨM KIRIN

## KIRIN

### KIRIN Ice+ Nước Vị Trái Cây

Trái cây đông kết **-18°C**



Quy cách  
24 chai  
x 345 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 490 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

### Ice+ Trà Trái Cây Đông Kết **-18°C**

Chứa Trà Xanh Nhật Bản



Đào

Táo & Kiwi

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 490 ml

### KIRIN Latte - Thức Uống Thiên Nhiên Pha Sữa



Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách 24 chai x 440 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách 24 chai x 345 ml

### Các sản phẩm khác

Kirin iMUSE

Kirin Vải Muối

Tea Break Trà Sữa

Trà Xanh Nhật ít Đường

Trà Xanh Nhật Không Đường



Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 280 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 345 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 345 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 345 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách  
24 chai x 345 ml

## KIRIN Ice+

### KIRIN Ice+ Nước Vị Trái Cây

#### Trái cây đông kết **-18°C**

Đào	Cam Chanh	Nho	Đào
			
Giá chai: _____ Giá thùng: _____	<b>Quy cách</b> 24 chai x 490 ml	Giá chai: _____ Giá thùng: _____	<b>Quy cách</b> 24 chai x 345 ml

### Ice+ Trà Trái Cây Đông Kết **-18°C**

#### Chứa Trà Xanh Nhật Bản

Đào	Táo & Kiwi
	
Giá chai: _____ Giá thùng: _____	<b>Quy cách</b> 24 chai x 490 ml

**Ice+** là dòng sản phẩm Nước vị trái cây lần đầu tiên có mặt trên thị trường Việt Nam, được sản xuất với **công nghệ tiên tiến Nhật Bản Aseptic**. Đặc trưng sản phẩm là nước tinh khiết hòa quyện với nước ép trái cây được đông kết ở **nhệt độ -18°C**, giúp sản phẩm giữ được độ thơm ngon tinh khiết như trái cây vừa hái, vừa đảm bảo độ an toàn thực phẩm tuyệt đối do không sử dụng bất kỳ chất bảo quản, hay tạo màu tạo mùi nhân tạo nào.

## KIRIN LATTE

### KIRIN Latte - Thức Uống Thiên Nhiên Pha Sữa



Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách 24 chai x 440 ml

Giá chai:  
Giá thùng:

Quy cách 24 chai x 345 ml

## KIRIN LATTE:

Với Bí Quyết Tạo Vị Ngon Từ Nhật Bản, Latte là thức uống được chiết xuất từ các thành phần thiên nhiên tốt nhất pha thêm sữa. Vị ngon thanh khiết cùng dư vị nhẹ nhàng của Latte không chỉ giúp bạn thỏa cơn khát mà còn mang đến những phút thư giãn nhẹ nhàng nhất.



## KIRIN LATTE CÀ PHÊ & SỮA:

### Latte Cà Phê & Caramel



Latte cà phê sữa là sự kết hợp độc đáo giữa cà phê nguyên chất với nguồn sữa nhập khẩu từ New Zealand, được sản xuất bằng công nghệ Nhật Bản hiện đại. Mang đến sản phẩm chất lượng và tiện lợi với giá rẻ cho mọi người.

- Chai PET tiện lợi mọi lúc mọi nơi.
- 100% cà phê nguyên chất.
- Giá rẻ cho mọi người.

## CÁC SẢN PHẨM KHÁC

**Các sản phẩm khác**

Kirin iMUSE	Kirin Vải Muối	Tea Break Trà Sữa	Trà Xanh Nhật Ít Đường	Trà Xanh Nhật Không Đường
				
Giá chai: _____ Giá thùng: _____	Giá chai: _____ Giá thùng: _____	Giá chai: _____ Giá thùng: _____	Giá chai: _____ Giá thùng: _____	Giá chai: _____ Giá thùng: _____
Quy cách	Quy cách	Quy cách	Quy cách	Quy cách
24 chai x 280 ml	24 chai x 345 ml	24 chai x 345 ml	24 chai x 345 ml	24 chai x 345 ml

### KIRIN IMUSE:

Chúng ta sẽ bị viêm họng hoặc cảm cúm nếu hệ miễn dịch bị suy yếu.

Tình trạng cơ thể không tốt sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày cũng như bạn bè và gia đình chúng ta.

L. Lactis strain Plasma là một chủng Lactococcus Lactis đặc biệt (biến dạng khác với Lactobacillus) đã được tìm thấy bởi Kirin, một công ty Nhật Bản với lịch sử hơn 100 năm, rất độc đáo trên thế giới vì nó có thể giúp kích hoạt hệ thống miễn dịch toàn diện trong cơ thể của bạn. Có rất nhiều nghiên cứu y khoa chứng minh L. Lactis Plasma có tác dụng chống lại virus cảm cúm hoặc các virus khác, kể cả sốt xuất huyết.

Bạn có thể cung cấp “L. Lactis Plasma” cho cơ thể bằng nước giải khát với vị chanh yogurt.



- Hơn 100 tỷ L.Lactis Plasma từ Nhật Bản
- Tăng cường hệ miễn dịch toàn diện trong cơ thể
- Dễ uống với hương vị sữa chua và chanh



## KIRIN TEA BREAK



**Gogo no Kocho** - Sản phẩm trà bán chạy số 1 Nhật Bản nay đã đến Việt Nam với tên gọi mới: **Tea Break**. Đây là sản phẩm chiết xuất từ lá trà Anh Quốc đích thực với phong cách cổ điển pha lẫn với hiện đại. Sản phẩm với vị chát nhẹ của trà, vị ngọt thanh và hương đậm đà sẽ làm cho ngày mới của bạn thêm hứng khởi.

**KIRIN TRÀ XANH NHẬT:** sử dụng 100% lá trà xanh Nhật Bản, được ủ và chiết xuất nước trà tinh túy nhất nhẹ nhàng xoa dịu tâm trí, thư giãn tinh thần.

Những lá trà tươi ngon từ tỉnh Shizuoka Nhật Bản được thu hoạch, xử lý và nhập khẩu về Việt Nam.

- Sản phẩm sử dụng nước tinh khiết.
- Được chiết xuất ở nhiệt độ chính xác đòi hỏi kỹ thuật chuyên nghiệp.
- Chỉ chiết nước trà đầu tiên.
- Chai PET, ít đường hoặc không đường.



## KIRIN VẢI MUỐI:

Kirin Vải Muối – sự kết hợp tinh tế giữa nước ép vải ngọt ngào và một chút muối, mang đến cho bạn một thức uống mới lạ độc đáo, duy nhất trên thị trường Việt Nam.

Một chút muối truyền thống sẽ làm tăng thêm hương vị dịu nhẹ, thanh mát của Vải.

Thức uống cung cấp khoáng hỗ trợ quá trình hydrat hóa cực kỳ ngon. Là một thức uống giải khát và chống say nắng hiệu quả trong những ngày nắng nóng.

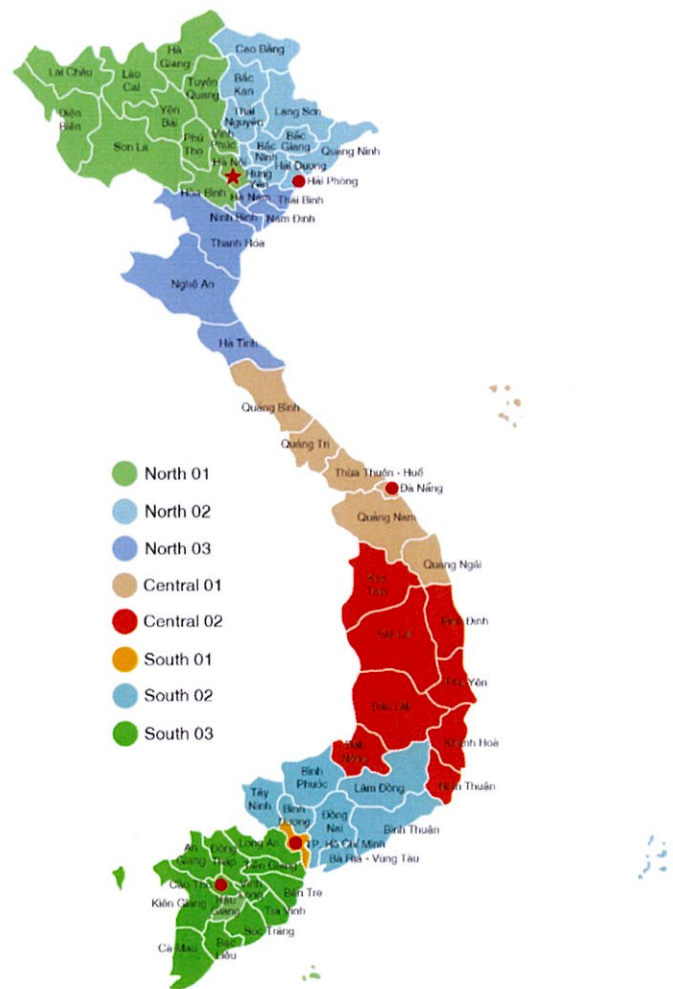
- Duy nhất trên thị trường
- Chai PET tiện lợi
- Giá đáng đồng tiền



## ❖ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Thị trường trong nước:

Doanh thu từ thị trường trong nước chiếm khoảng 99% tổng doanh thu của Công ty và được xem là thị trường chính trong chiến lược phát triển kinh doanh. Hệ thống phân phối của Interfood bao phủ toàn bộ 63 tỉnh thành với 148 nhà phân phối, trên 87.011 điểm bán lẻ và có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị ở Việt Nam.

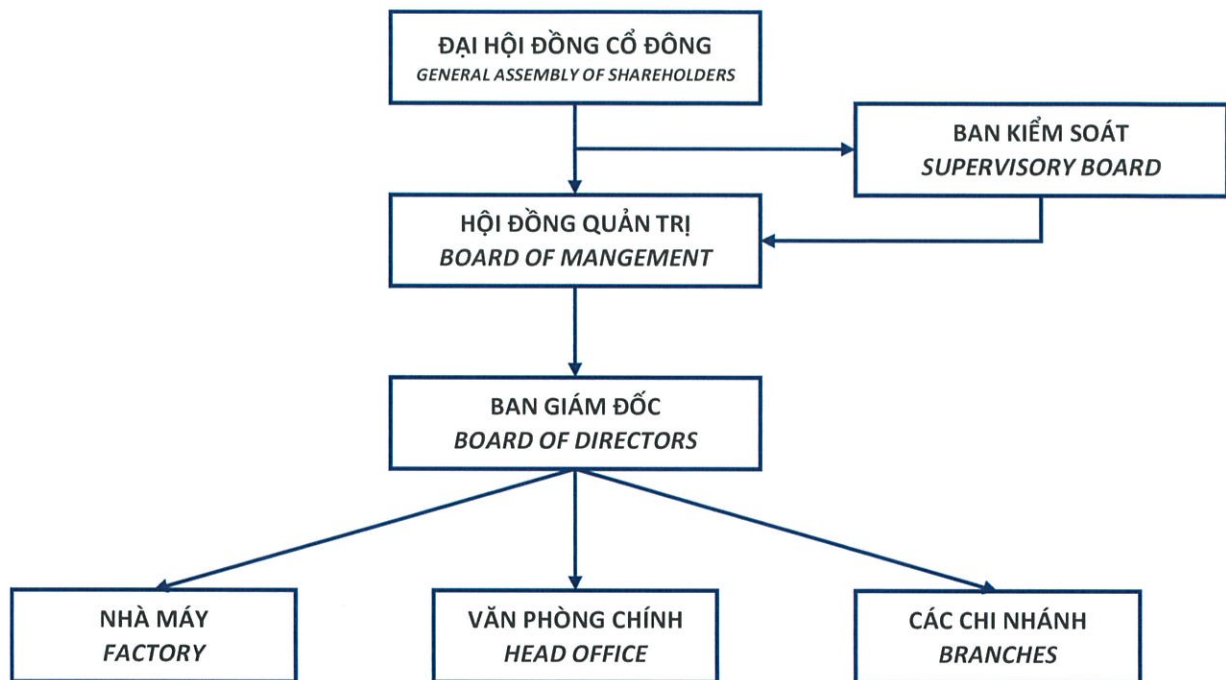


### Thị trường xuất khẩu:

Doanh thu từ thị trường xuất khẩu chiếm 1% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu chính là các nước châu Âu, châu Á và châu Mỹ.

#### 4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

##### ❖ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



❖ **CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ**

Stt	Họ tên	Chức vụ
<b>Hội đồng quản trị (HDQT)</b>		
1	Ông Shogo Okamoto	Chủ tịch kiêm Thành viên (từ ngày 20/04/2023)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Chủ tịch kiêm Thành viên (đến ngày 20/04/2023)
3	Ông Daisuke Hattori	Thành viên (từ ngày 20/04/2023)
4	Ông Hajime Kawasaki	Thành viên (đến ngày 20/04/2023)
5	Ông Hiroaki Takaoka	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát (BKS)</b>		
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng ban
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên
3	Ông Takashi Kobayashi	Thành viên (từ ngày 20/04/2023)
4	Ông Tsuneo Mitsudomi	Thành viên (đến ngày 20/04/2023)
<b>Ban Giám đốc (BGĐ)</b>		
1	Ông Daisuke Hattori	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên BGĐ (từ ngày 30/03/2023)
2	Ông Hajime Kawasaki	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên BGĐ (đến ngày 30/03/2023)
3	Ông Koichi Noda	Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Nhà máy
4	Ông Kenichiro Wada	Thành viên BGĐ/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Kiểm soát Nội bộ (đến ngày 01/07/2023)
6	Ông Shogo Okamoto	Thành viên BGĐ/ Giám Đốc Kế Hoạch kiêm Giám Đốc Kiểm soát Nội bộ (từ ngày 01/07/2023)

❖ **CHI NHÁNH, NHÀ MÁY**

Chi nhánh, nhà máy	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 11, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 16, Tòa B, Tòa nhà Viettel Complex, 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy Long Thành	Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

## ❖ CÔNG TY, CÔNG TY LIÊN KẾT

<b>Công ty</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ</b>
----------------	--



Địa chỉ:	Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vốn điều lệ:	871.409.920.000 VNĐ

<b>Công ty liên kết</b>	<b>CÔNG TY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT KIRIN VIỆT NAM</b>
-------------------------	---



Địa chỉ:	Lô D-3A-CN, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:	Sản xuất và gia công sản xuất đồ uống không cồn, sản xuất sữa và các đồ uống giải khát từ sữa, sản xuất thực phẩm chức năng và bổ sung vi chất dinh dưỡng dạng lỏng.
Vốn điều lệ:	795.800.000.000 VNĐ
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	Không

## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Mô hình mong muốn đến năm 2027



Tầm nhìn (Mô hình mong muốn đến năm 2027)

**Life Partner – Bạn đồng hành trong cuộc sống**

Công ty nước giải khát tiên tiến đóng góp vào sức khỏe và hạnh phúc của mọi người

Hướng đến mục tiêu trở thành công ty nước giải khát đóng góp nhiều nhất vào sức khỏe tinh thần và thể chất của người Việt bằng cách cung cấp các sản phẩm và dịch vụ an toàn, an tâm, chất lượng cao và đầy sáng tạo.

### Phương châm kinh doanh mới



Phương châm kinh doanh

(Vai trò của Công ty chúng tôi trong xã hội, ý nghĩa của sự tồn tại)

**Xây dựng văn hóa thức uống mới để Việt Nam khỏe mạnh**

Kể từ khi thành lập, chúng tôi đã đi tiên phong trong ngành hàng thức uống mới tại Việt Nam. Từ bây giờ trở đi, chúng tôi cũng sẽ xây dựng giá trị mới tác động tích cực đến con người, xã hội và tự nhiên của Việt Nam trong mọi lĩnh vực liên quan đến đồ uống.

### Các giá trị quan trọng



Các giá trị quan trọng nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn  
(Hình ảnh nhân lực cần có đối với nhân viên)

**Chân thành**

**Hợp tác**

**Thử thách**

## Giá trị quan trọng thứ (1)



**Các giá trị quan trọng nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn  
(Hình ảnh nhân lực cần có đối với nhân viên)**

### **Chân thành**

Chúng tôi triển khai các hoạt động kinh doanh với tinh thần công bằng xã hội, hành động đúng đắn theo các quy tắc và đạo đức xã hội. Ngoài ra, chúng tôi cung cấp sản phẩm và dịch vụ an toàn, an tâm và chất lượng cao thông qua các quy trình được đảm bảo về độ tin cậy và minh bạch.

## Giá trị quan trọng thứ (2)



**Các giá trị quan trọng nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn  
(Hình ảnh nhân lực cần có đối với nhân viên)**

### **Hợp tác**

Chúng tôi công nhận và tôn trọng sự khác biệt trong các giá trị và quan điểm cá nhân. Ngoài ra, trong tất cả các khía cạnh kinh doanh, chúng tôi tổ chức trao đổi mang tính xây dựng với các bên liên quan trong và ngoài công ty, cùng nhau hợp lực biến những khác biệt thành sức mạnh mới.

## Giá trị quan trọng thứ (3)



**Các giá trị quan trọng nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn  
(Hình ảnh nhân lực cần có đối với nhân viên)**

### **Thử thách**

Để tạo ra và nuôi dưỡng những sản phẩm và dịch vụ mới góp phần vào sự phồn thịnh lâu dài của con người, xã hội và tự nhiên, chúng tôi sẽ tiếp tục thường xuyên đổi mới, không hài lòng với hiện tại để phù hợp với tinh thần tiên phong mà chúng tôi đã kế thừa từ khi Công ty thành lập.

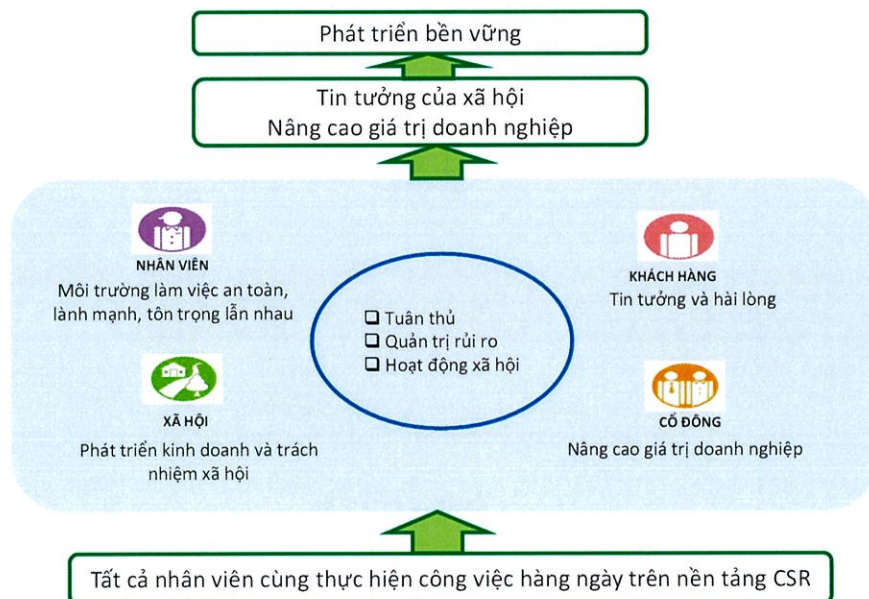


## ❖ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức trong kinh doanh là nền tảng cho sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc xây dựng và duy trì văn hóa tuân thủ là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

Công ty luôn nỗ lực phổ biến và nâng cao ý thức Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (“CSR”) và Tuân Thủ cho nhân viên nhằm đảm bảo phương châm quản lý dựa trên CSR, CSV (Tạo Giá Trị Chung) được thực hiện và giám sát trên toàn bộ Công ty.

- CSR: Công ty cam kết thông qua hoạt động kinh doanh của mình góp phần cho sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- CSV: Công ty xây dựng chiến lược CSV như một phương châm để tạo ra giá trị chung với xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.
- Compliance (Tuân thủ): tuân thủ các quy định của pháp luật, các chuẩn mực xã hội, nguyên tắc ứng xử của Công ty cũng như ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng.
- Quản trị rủi ro: hệ thống được thiết lập nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu tổn thất do những sự kiện không lường trước bằng cách nhận diện và quản lý những rủi ro trọng yếu có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



## **6. QUẢN TRỊ RỦI RO**

Công ty xây dựng hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) như là một phần của hệ thống quản lý hoạt động kinh doanh và phối hợp với công ty mẹ để triển khai thực hiện QLRR.

Công ty thực hiện triệt để tuân thủ và QLRR nhằm ngăn ngừa những nguy cơ tiềm ẩn, qua đó có thể nhận được sự tín nhiệm lâu dài của khách hàng và xã hội.

Ủy ban QLRR được thành lập để giám sát hoạt động QLRR. Ủy ban QLRR chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc và bao gồm các thành viên là các trưởng phòng ban. Ủy ban QLRR họp định kỳ mỗi năm hai lần và khi xét thấy cần thiết để xem xét và giám sát việc thực hiện QLRR và kế hoạch đối ứng rủi ro của toàn Công ty.

### **❖ THỰC HIỆN QLRR TRONG NĂM 2023**

- Xây dựng hệ thống QLRR và chính sách QLRR theo chương trình QLRR của Tập đoàn Kirin.
- Xây dựng kế hoạch QLRR và Hướng dẫn ứng phó khủng hoảng và thực hiện chương trình đào tạo về QLRR cho nhân viên.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để theo dõi quy trình và giám sát việc thực hiện kế hoạch QLRR.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### ❖ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

- Năm 2023 tiếp tục đánh dấu giai đoạn Công ty chuyển đổi từ trạng thái phục hồi sang giai đoạn tăng trưởng bền vững thể hiện qua kết quả Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế là 209 tỷ đồng, đạt 187% so với số kế hoạch đề ra.
- Về doanh thu bán hàng, trong năm 2023 Công ty đã tiếp tục tập trung vào cải tiến các dòng sản phẩm chủ đạo như tung thêm dòng sản phẩm Trà bí đao chai PET mới, bổ sung dòng sản phẩm Ice+ Trà và dòng sản phẩm Latte cải tiến với dung tích chai lớn hơn để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đồng thời tiếp tục lan tỏa chức năng đóng góp sức khỏe cho người tiêu dùng của các dòng sản phẩm chiến lược Imuse. Kết quả là tổng doanh thu bán hàng đã đạt 102% so với số kế hoạch.
- Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2023 giảm còn 64% tỷ trọng doanh thu thuần so với số kế hoạch 69%. Nguyên nhân là do biến động giảm giá của một số nguyên liệu chủ chốt mua vào trong năm so với giá dự kiến, cũng như sản lượng sản xuất trong năm 2023 tăng cao dẫn đến giá thành đơn vị sản phẩm giảm tương ứng.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng cao trong năm 2023 khi Công ty tiếp tục duy trì khoản tiền gửi ngắn hạn 700 tỷ đồng tại một ngân hàng có lãi suất tiền gửi thực tế cao hơn lãi suất dự kiến.
- Trong năm 2023 công ty tiếp tục thực hiện các chiến dịch truyền thông quảng bá sản phẩm để thúc đẩy tăng trưởng doanh số và tiếp tục thực hiện chi phí hỗ trợ bán hàng, cộng thêm đơn giá chi phí vận chuyển còn biến động không ổn định bởi tình hình chung, kết quả trong kỳ này tổng tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần còn duy trì ở mức 21%, giảm 3% so với số kế hoạch đề ra là 24%.
- Thu nhập khác tăng do Công ty nhận được khoản bồi thường từ một số nhà cung cấp nhưng chi phí khác năm nay cũng tăng liên quan khoản xử lý hàng gia công từ nhà cung cấp.

❖ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực tế 2023	Tỷ lệ
	VND '000	VND '000	%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1,974,316,841</b>	<b>1,995,034,345</b>	<b>101%</b>
Các khoản giảm trừ	137,416,795	126,736,274	92%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1,836,900,047</b>	<b>1,868,298,071</b>	<b>102%</b>
Giá vốn hàng bán	1,260,226,302	1,197,411,653	95%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>576,673,745</b>	<b>670,886,418</b>	<b>116%</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	35,182,240	35,526,772	101%
Chi phí hoạt động tài chính	198,630	215,678	109%
Chi phí bán hàng	440,372,214	398,247,290	90%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34,578,399	43,342,788	125%
<b>Lãi /(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>136,706,743</b>	<b>264,607,434</b>	<b>194%</b>
Thu nhập khác	773,704	3,064,897	396%
Chi phí khác	43,668	5,469,364	12525%
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>730,036</b>	<b>(2,404,467)</b>	<b>-329%</b>
<b>Lãi / (Lỗ) trước thuế</b>	<b>137,436,779</b>	<b>262,202,967</b>	<b>191%</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	25,920,062	53,037,799	205%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	570,399	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế</b>	<b>111,516,717</b>	<b>208,594,769</b>	<b>187%</b>
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	-	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trong năm</b>	<b>111,516,717</b>	<b>208,594,769</b>	<b>187%</b>

## 2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### ❖ DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/ Hộ chiếu	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
<b>Hội đồng quản trị</b>							
1	Ông Shogo Okamoto	Chủ tịch	1982	Nhật Bản	TS0161548	HCM, VN	0%
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Chủ tịch	1967	Việt Nam	035167002515	Đồng Nai, VN	0%
3	Ông Hajime Kawasaki	Thành viên	1971	Nhật Bản	TR5534715	Nhật Bản	0%
4	Ông Daisuke Hattori	Thành viên	1974	Nhật Bản	MJ1808840	HCM, VN	0%
5	Ông Hiroaki Takaoka	Thành viên	1970	Nhật Bản	TR7559041	Nhật Bản	0%
<b>Ban Giám đốc (BGĐ)</b>							
1	Ông Hajime Kawasaki	Tổng GD	1971	Nhật Bản	TR5534715	Nhật Bản	0%
2	Ông Daisuke Hattori	Tổng GD	1974	Nhật Bản	MJ1808840	HCM, VN	0%
3	Ông Koichi Noda	GD Nhà máy	1970	Nhật Bản	TR6169885	HCM, VN	0%
4	Ông Kenichiro Wada	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	1980	Nhật Bản	TK9170030	HCM, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát Nội bộ	1967	Việt Nam	035167002515	Đồng Nai, VN	0%
6	Ông Shogo Okamoto	GD Kế hoạch kiêm GD Kiểm soát Nội bộ	1982	Nhật Bản	TS0161548	HCM, VN	0%
<b>Kế toán trưởng</b>							
1	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng	1977	Việt Nam	040077009284	Đồng Nai, VN	0%

❖ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ tên	Chức vụ		Năm sinh	Quốc tịch	Số CMND/ Hộ chiếu	Chỗ ở hiện tại	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
		Trước khi thay đổi	Sau khi thay đổi					
<b>Hội đồng quản trị</b>								
1	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Chủ tịch kiêm Thành viên	(Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20/04/2023)	1967	Việt Nam	035167002515	Đồng Nai, VN	0%
2	Ông Shogo Okamoto		Chủ tịch kiêm Thành viên (Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20/04/2023)	1982	Nhật Bản	TS0161548	HCM, VN	0%
3	Ông Hajime Kawasaki	Thành viên	(Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20/04/2023)	1971	Nhật Bản	TR5534715	Nhật Bản	0%
4	Ông Daisuke Hattori	Thành viên	(Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20/04/2023)	1974	Nhật Bản	MJ1808840	HCM, VN	0%
5	Ông Hiroaki Takaoka	Thành viên	Thành viên	1970	Nhật Bản	TR7559041	Nhật Bản	0%
<b>Ban Giám đốc (BGĐ)</b>								
1	Ông Hajime Kawasaki	Tổng GD	(Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 30/03/2023)	1971	Nhật Bản	TR5534715	Nhật Bản	0%
2	Ông Daisuke Hattori		Tổng GD (Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 30/03/2023)	1974	Nhật Bản	MJ1808840	HCM, VN	0%
3	Ông Koichi Noda	GD Nhà máy	GD Nhà máy	1970	Nhật Bản	TR6169885	HCM, VN	0%
4	Ông Kenichiro Wada	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	GD Tiếp thị kiêm GD Kinh doanh	1980	Nhật Bản	TK9170030	HCM, VN	0%
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	GD Kiểm soát nội bộ	(Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 01/07/2023)	1967	Việt Nam	035167002515	Đồng Nai, VN	0%
6	Ông Shogo Okamoto	GD Kế hoạch	GD Kế hoạch kiêm GD Kiểm soát nội bộ (Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 01/07/2023)	1982	Nhật Bản	TS0161548	HCM, VN	0%
<b>Ban Kiểm soát</b>								
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng ban	Trưởng ban	1987	Việt Nam	001087035038	HCM, VN	0%
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	Thành viên	1966	Việt Nam	079166013727	HCM, VN	0%
3	Ông Tsuneo Mitsudomi	Thành viên	(Từ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20/04/2023)	1968	Nhật Bản	TZ1268060	Nhật Bản	0%
4	Ông Takashi Kobayashi		Thành viên (Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20/04/2023)	1969	Nhật Bản	TT2027730	Nhật Bản	0%

## ❖ TÓM TẮT CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 897 (tại thời điểm 31/12/2023).
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát nhận thức của nhân viên (EAS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

### 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2023, Công ty không triển khai các dự án đầu tư lớn.

#### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

##### ❖ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Thực tế 2022 (VND)	Thực tế 2023 (VND)	Tăng giảm (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,830,257,198,000	1,995,034,345,000	9%
Các khoản giảm trừ doanh thu	117,545,282,000	126,736,274,000	8%
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1,712,711,916,000</b>	<b>1,868,298,071,000</b>	9%
Giá vốn hàng bán	1,151,195,520,000	1,197,411,653,000	4%
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>561,516,396,000</b>	<b>670,886,418,000</b>	19%
Doanh thu hoạt động tài chính	22,130,875,000	35,526,772,000	61%
Chi phí tài chính	466,995,000	215,678,000	-54%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	-	
Chi phí bán hàng	359,312,454,000	398,247,290,000	11%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36,476,380,000	43,342,788,000	19%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>187,391,442,000</b>	<b>264,607,434,000</b>	41%
Thu nhập khác	7,902,438,000	3,064,897,000	-61%
Chi phí khác	1,749,715,000	5,469,364,000	213%
Lợi nhuận khác	<b>6,152,723,000</b>	<b>(2,404,467,000)</b>	-139%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>193,544,165,000</b>	<b>262,202,967,000</b>	35%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36,151,167,000	53,037,799,000	47%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,747,368,000	570,399,000	-67%
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>155,645,630,000</b>	<b>208,594,769,000</b>	34%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,786	2,394	34%



❖ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện thời	5.54	6.48	
+ Hệ số thanh toán nhanh	4.43	4.89	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0.17	0.14	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0.20	0.17	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	5.18	4.02	
+ Hệ số Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1.26	1.28	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0.09	0.11	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0.13	0.17	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.11	0.14	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0.11	0.14	

## 5. KÊ KHAI VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2023

Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán KPMG như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (ngàn đồng)
<b>Lãi trước thuế</b>	50	262,202,967
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	53,037,799
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	570,399
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	60	208,594,769

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán KPMG như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (ngàn đồng)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	1,255,648,610
Vốn cổ phần	411	871,409,840
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	871,409,840
Thặng dư vốn cổ phần	412	85,035,704
Vốn khác của chủ sở hữu	420	90,034,048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	209,169,018
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a	574,249
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	208,594,769

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2023 (VNĐ)
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	209,169,018,000
<b>2</b>	<b>Phân phối lợi nhuận, trong đó</b>	209,169,018,000
	Trích các quỹ theo quy định	0
	Chia cổ tức	209,138,361,600
	Tỷ lệ chia cổ tức	24.00 %
	Tỷ lệ thanh toán cổ tức	2,400 VNĐ/ cổ phiếu
	Ngày thanh toán cổ tức	09/09/2024
	Phương thức thanh toán	Tiền
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế sau khi phân phối</b>	<b>30,656,400</b>
<b>4</b>	<b>Ủy quyền thực hiện</b>	HDQT Công ty có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục và giấy tờ cần thiết cho việc kê khai và thanh toán cổ tức đề cập ở trên tuân thủ các quy định và pháp luật hiện hành.

## 6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU, CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG

### ❖ CỔ PHẦN

Stt	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số cổ phiếu	87,140,992
2	Số lượng cổ phiếu quỹ	8
3	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	87,140,984
4	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	87,140,984
5	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	0

### ❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (tại ngày 11/3/2024)

Stt	Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)</b>	-	0.00%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
	Cá nhân	-	0.00%	-	0.00%	-	0.00%
	Tổ chức	-	0.00%	83,360,282	95.66%	83,360,282	95.66%
2	<b>Cổ đông khác (sở hữu dưới 5% vốn CP)</b>	1,554,045	1.78%	2,226,657	2.56%	3,780,702	4.34%
	Cá nhân	1,553,931	1.78%	124,240	0.14%	1,678,171	1.93%
	Tổ chức	114	0.00%	2,102,417	2.41%	2,102,531	2.41%
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		0.00%	8	0.00%	8	0.00%
4	<b>Tổng cộng</b>	1,554,045	1.78%	85,586,947	98.22%	87,140,992	100.00%

### ❖ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2023, Công ty không thực hiện tăng/ giảm vốn điều lệ.

### ❖ CỔ PHIẾU QUỸ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 08 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm 2023: Không

### ❖ CỔ TỨC CHO CỔ ĐÔNG

- Trong tháng 09/2023, Công ty đã hoàn thành việc kê khai và chi trả cổ tức năm tài chính năm 2022 cho cổ đông theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên 2023.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2023, tiếp tục đánh dấu giai đoạn Công ty chuyển đổi từ trạng thái phục hồi sang giai đoạn tăng trưởng bền vững thể hiện qua kết quả Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế là 209 tỷ đồng, đạt 187% so với số kế hoạch đề ra.
- Nhân hàng trọng điểm: nhân hàng mới WMT440PET và Ice+Tea đang bán rất tốt và Latte sau khi đổi mới cũng đã liên tục bán chạy.
- Tiếp tục đổi thoại về chất lượng tại nhà máy.
- Cải tiến công việc của logistics (Công việc nội bộ, hệ thống).
- Áp dụng hệ thống nhân sự mới dành cho cấp quản lý, nêu rõ vai trò của người quản lý trong việc đào tạo nguồn nhân lực thông qua công việc và bắt đầu thâm nhàn sự hiểu biết đó.
- Năm 2023 là năm Công ty đã khẳng định lại giá trị cốt lõi, Công ty đã triển khai hoạt động truyền thông kết nối người tiêu dùng. Bên cạnh đó, Công ty đã chấp nhận thử thách mở rộng khu vực bán hàng và cùng với các hoạt động Marketing để gia tăng điểm kết nối khách hàng đối với sản phẩm iMUSE. Và đây là thành công điển hình trong kế hoạch trung kỳ về điểm kết nối khách hàng gia tăng.

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2022 VND'000	Năm 2023 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	1,444,729,737	1,465,584,858	1%
Doanh thu thuần	1,712,711,916	1,868,298,071	9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	187,391,442	264,607,434	41%
Lợi nhuận khác	6,152,723	(2,404,467)	-139%
Lợi nhuận trước thuế	193,544,165	262,202,967	35%
Lợi nhuận sau thuế	155,645,630	208,594,769	34%

#### 3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

##### ❖ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

Cải cách và phát triển về mặt hạ tầng

- Triển khai hoạt động làm việc từ xa để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và để bắt kịp lối sống thời đại “bình thường mới”.

- Tăng cường chức năng hệ thống DMS. Bắt đầu cải cách hoạt động bán hàng hiệu quả hơn.
- Tăng cường hệ thống IT, hệ thống bảo mật.
- Tăng cường Kế toán quản trị.

Hoạt động kinh doanh gắn liền với Trách nhiệm Xã hội Doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility – CSR) là những cam kết doanh nghiệp góp phần cho sự phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Công ty luôn nỗ lực thực hiện chính sách CSR, CSV trong hoạt động kinh doanh:

- ✓ Tăng cường quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro nhằm đạt sự quản lý minh bạch để nhận được sự tin tưởng của xã hội.
- ✓ Cải tiến nghiệp vụ trong phòng ban hoặc toàn công ty để các dự án được cải tiến tạo thêm giá trị cho Công ty.
- ✓ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tích cực tham gia hoạt động cộng đồng để góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội với tư cách là một công dân doanh nghiệp có trách nhiệm.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã góp phần làm giảm rủi ro trong quản lý hoạt động kinh doanh ở Việt Nam thông qua hoạt động tư vấn, đánh giá độc lập và đảm bảo khách quan.

#### ❖ KHÓI KINH DOANH

- Tăng trưởng lợi nhuận dựa vào mở rộng bán hàng
- Tăng trưởng KIRIN tại thị trường Việt Nam
- Tăng trưởng tại các khu vực hiện hữu  
~ *Nâng cao độ nhận biết 「KIRIN」* ~
- Thử thách với những lĩnh vực mới  
~ *Sức khỏe – Chức năng: gieo mầm tăng trưởng* ~

#### ❖ KHÓI SẢN XUẤT

- Tối đa hóa hiệu suất sản xuất của nhà máy
- Tiếp tục thực hiện tiết giảm chi phí.
- Nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm
- Cải tiến nghiệp vụ trong phòng ban hoặc toàn công ty
- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên và mang đến sức khỏe cả về thể chất và tinh thần cho người tiêu dùng.

#### ❖ KHÓI VĂN PHÒNG

- Triển khai hoạt động làm việc từ xa để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và để bắt kịp lối sống thời đại “bình thường mới”.
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nâng cao cơ cấu tổ chức và cải thiện hệ thống thông tin quản lý.

- Cải tiến nghiệp vụ trong phòng ban hoặc toàn công ty để các dự án cải tiến tạo thêm giá trị cho Công ty.
- Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty và Nhân viên thông qua việc thực hiện chế độ kiểm tra giám sát, cải thiện chính sách dựa trên kết quả khảo sát nhận thức của nhân viên (EAS), nâng cao độ chính xác của dữ liệu quản lý, thực hiện quản trị dựa trên tuân thủ (compliance).
- Phát triển và thực hiện chương trình đào tạo thiết kế riêng cho nhân viên theo từng cấp độ, từng phòng ban.
- Thực hiện luân chuyển nhân viên theo chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty cũng như theo nguyện vọng phát triển nghề nghiệp của cá nhân.

#### 4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2023, năm thứ hai của kế hoạch quản lý trung hạn 2022-2024, Công ty tiếp tục đạt sản lượng và doanh thu kỷ lục.

Công ty tiếp tục thực hiện tầm nhìn trung và dài hạn và xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2024 nhằm đẩy nhanh việc xây dựng nền tảng quản lý để tăng trưởng bền vững trong khi vẫn duy trì các khoản đầu tư.

Công ty đặt mục tiêu đạt được mức tăng trưởng cao hơn thị trường và tăng doanh số bán hàng cho các thương hiệu ưu tiên của chúng tôi, trà Bí Dao, Ice+ và Latte, bằng cách đưa ra tuyên bố về giá trị rõ ràng và tối đa hóa điểm tiếp xúc với khách hàng thông qua các chiến lược tiếp thị hiệu quả.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục mở rộng kinh doanh sản phẩm iMUSE với chức năng góp phần nâng cao sức khỏe cho người dân Việt Nam.

Về cơ sở vật chất của nhà máy, Công ty đầu tư vào thiết bị, v.v., cho phép chúng tôi duy trì chất lượng và tăng doanh số bán hàng dựa trên khối lượng hàng bán mạnh mẽ gần đây và năng lực sản xuất trung và dài hạn.

Đồng thời, Công ty tiếp tục xây dựng cơ cấu SCM (quản lý chuỗi cung ứng) ổn định và hiệu quả hơn.

Công ty sẽ tiếp tục tham gia vào việc theo đuổi hiệu quả trong hoạt động kinh doanh bằng cách sử dụng giải pháp CNTT, sau đó tăng cường năng lực tổ chức và nguồn nhân lực thông qua nhiều nỗ lực khác nhau như thâm nhập nội bộ chính sách của Công ty, v.v..

Do chi phí đầu vào và chi phí nhân sự tăng lên trong những năm gần đây, việc tạo ra đủ lợi nhuận chỉ bằng cách tăng khối lượng bán hàng và giảm chi phí ở một mức độ nhất định là không thể.

Trên cơ sở đảm bảo một mức lợi nhuận nhất định, để liên tục xây dựng nền tảng kinh doanh, kiếm lợi nhuận và đầu tư cho sự phát triển trong tương lai, Công ty cũng phải đối mặt với thách thức giảm chi phí trên toàn Công ty.

Công ty dự kiến tổng doanh thu sẽ đạt khoảng 2.132 tỷ đồng và Lợi nhuận ròng trong năm 2024 khoảng 192 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024 VND'000	Thực hiện 2023 VND'000	%(+/-)
Tổng doanh thu	2,131,709,402	1,995,034,345	7%
Doanh thu thuần	1,992,869,219	1,868,298,071	7%
Lãi (Lỗ) gộp	708,126,022	670,886,418	6%
Lãi (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	238,192,161	264,607,434	-10%
Lãi (Lỗ) trước thuế	239,738,610	262,202,967	-9%
Lãi (Lỗ) sau thuế	191,862,362	208,594,769	-8%

## 5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn về môi trường, không ngừng nỗ lực trong việc đầu tư thiết bị và nghiên cứu phát triển công nghệ nhằm mang đến những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục nỗ lực nâng cao ý thức của nhân viên và các biện pháp đảm bảo an toàn bao gồm đào tạo an toàn trong các cuộc họp toàn Công ty hàng tháng, xác nhận tình hình thực hiện các biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa tái phát, kiểm tra định kỳ các khu vực nhằm đảm bảo an toàn thực sự.
- Nâng cao chất lượng: thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng bao gồm kiểm tra định kỳ việc thực hiện kế hoạch ngăn ngừa tái diễn chú trọng đến các vấn đề ưu tiên, nâng cao độ hiểu biết về ISO và HACCP và nâng cao hiệu quả của các hệ thống.

## 6. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Sở Giáo dục và Đào tạo TP.Hồ Chí Minh và KIRIN tổ chức cuộc thi "Nét đẹp trường em"





Năm 2023 đánh dấu cột mốc 10 năm nỗ lực của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh cùng thương hiệu **KIRIN** trên hành trình phát triển của các mầm non đất nước. Với chủ đề “Nét đẹp trường em”, hội thi năm nay ngoài việc mang đến kiến thức hữu ích, góp phần giúp học sinh thể hiện tinh thần tự hào về môi trường học tập thông qua những vòng thi đầy tính sáng tạo; cuộc thi còn hướng đến xây dựng trường học với đầy đủ các tiêu chí hỗ trợ học sinh có môi trường lành mạnh và vui vẻ.



**Ông Wada Kenichiro - Đại diện KIRIN Việt Nam phát biểu tại buổi phát động cuộc thi.**

Những giá trị này được kế thừa và áp dụng từ mô hình “3P - Trường học hạnh phúc” với ba giá trị cốt lõi của UNESCO gồm: People (con người), Process (quy trình) và Place (địa điểm). “Trường học hạnh phúc” là môi trường không chỉ chú trọng giảng dạy mà còn phải làm tốt các hạng mục hỗ trợ các em phát triển về mặt thể chất lẫn tinh thần.

Trong mô hình “3P”, yếu tố sức khỏe và dinh dưỡng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một ngôi trường hạnh phúc. Hiểu rõ điều này, KIRIN với sản phẩm đồng hành KIRIN iMuse giúp hỗ trợ hệ tiêu hóa và hệ miễn dịch để hỗ trợ sức khỏe tốt cho các học sinh.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Dưới sự điều hành và chỉ đạo đúng hướng của TGD và BGD, năm 2023, năm thứ hai của kế hoạch quản lý trung hạn 2022-2024, Công ty tiếp tục đạt sản lượng và doanh thu kỷ lục.
- HĐQT và BGD đã thống nhất đưa ra quan điểm và chiến lược sở hữu nền tảng kinh doanh để phát triển bền vững trong thời đại mới. Đây là một điều cực kỳ quan trọng, đó chính là hướng tới mục tiêu tăng trưởng vượt trội so với thị trường bằng cách tập trung nguồn lực vào các nhân hàng trọng điểm/ chiến lược; Giảm thiểu tác động của việc tăng chi phí và đảm bảo năng lực đầu tư bằng cách gia tăng lợi nhuận; gia tăng hơn nữa sự thâm nhập của Mission Vision Values và tăng cường hơn nữa sự gắn kết của nhân viên.
- Để hiện thực thực hóa chiến lược này, TGD và BGD đặt mục tiêu nhanh chóng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh như trước dịch COVID-19. Để minh chứng cho việc xây dựng chiến lược, mục tiêu đúng đắn và sự đồng thuận với phương châm và Chính sách của Công ty càng lớn thì mức độ thực hiện kế hoạch của các nhân viên càng cao và bức tranh trung thực nhất phản ánh cho điều này chính là doanh thu thuần của Công ty đã tăng 9% và lợi nhuận sau thuế tăng 34% so với 2022.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2022 VND'000	Năm 2023 VND'000	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	1,444,729,737	1,465,584,858	1%
Doanh thu thuần	1,712,711,916	1,868,298,071	9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	187,391,442	264,607,434	41%
Lợi nhuận khác	6,152,723	(2,404,467)	-139%
Lợi nhuận trước thuế	193,544,165	262,202,967	35%
Lợi nhuận sau thuế	155,645,630	208,594,769	34%

## KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023 NHƯ SAU:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2023(VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	209,169,018,000
2	Phân phối lợi nhuận, trong đó	209,169,018,000
	Trích các quỹ theo quy định	0
	Chia cổ tức	209,138,361,600
	Tỷ lệ chia cổ tức	24.00 %
	Tỷ lệ thanh toán cổ tức	2,400 VNĐ/ cổ phiếu (share)
	Ngày thanh toán cổ tức	09/09/2024
	Phương thức thanh toán	Tiền/ Cash
3	Lợi nhuận sau thuế sau khi phân phối	30,656,400
4	Ủy quyền thực hiện	HDQT Công ty có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục và giấy tờ cần thiết cho việc kê khai và thanh toán cổ tức đề cập ở trên tuân thủ các quy định và pháp luật hiện hành.

## 2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- TGD và Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự chỉ đạo của TGD và Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh theo mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

## 3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HDQT tiếp tục thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2024.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2024 theo kế hoạch phát triển trung kỳ năm 2022-2024 của Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- HDQT sẽ giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành Công ty để có định hướng phát triển phù hợp, hỗ trợ kịp thời trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Interfood.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### ❖ THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Chủ tịch	15/08/2006	2/9	22%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 20/04/2023
2	Ông Hajime Kawasaki	Thành viên	19/04/2021	2/9	22%	Từ nhiệm có hiệu lực từ 20/04/2023
3	Ông Shogo Okamoto	Chủ tịch	20/04/2023	7/9	78%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 20/04/2023
4	Ông Daisuke Hattori	Thành viên	20/04/2023	7/9	78%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 20/04/2023
5	Ông Hiroaki Takaoka	Thành viên	21/04/2022	9/9	100%	

#### ❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2023 như sau:

- **Phương thức giám sát:**

Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc khi cần thiết, trao đổi và thảo luận trực tiếp hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại và thư điện tử.

Thông qua các báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD và Ban Giám đốc về tiến độ thực hiện, cũng như những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

Phối hợp với Ban Kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

- **Nội dung giám sát:**

Giám sát và đánh giá mức độ hiệu quả của TGD và Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành, tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư đã được phê duyệt.

- **Kết quả giám sát:**

- TGD và BGD đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo các hoạt động kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.
- Dưới sự quản lý và chỉ đạo của TGD và BGD, Công ty đã thực hiện các hoạt động kinh doanh bám sát các mục tiêu đề ra, tăng cường mở rộng thị phần các nhóm sản phẩm chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển mạng lưới phân phối để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.
- Công ty đã có sự phát triển rõ nét của năng lực tổ chức qua việc tăng trưởng mạnh mẽ đang tăng cao trong từng lĩnh vực của chuỗi giá trị - value chain. Nhiều cải cách khác nhau đã được thực hiện trong năm 2023.
- Nguồn nhân lực của tổ chức đã phát triển tích cực hơn thông qua các hoạt động triển khai các vấn đề trọng điểm của kế hoạch kinh doanh trung hạn (sự hợp nhất, địa phương hóa, cơ chế hóa).
- TGD và BGD đã triển khai theo đúng với chính sách lớn của Công ty đã đề ra là xây dựng nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững và điều này sẽ không thay đổi.
- Ngoài ra, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023; triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh và quản trị công ty theo đúng các quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- ❖ **HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

- HĐQT đã tổ chức các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty; đảm bảo về số cuộc họp, các thành viên tham dự, trình tự thủ tục thông qua các quyết định theo đúng quy định.
- Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên, Công ty đã có sự phân công công việc giữa các thành viên HĐQT và bổ nhiệm Ban giám đốc với các thành viên chuyên trách về Nhà máy, Kinh doanh, Tiếp thị, Tài chính, Nhân sự, Kế hoạch và Kiểm soát nội bộ để hỗ trợ HĐQT trong việc quản lý và điều hành Công ty.

**❖ CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	RBM230215	15/02/2023	Lịch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2023 của Công ty
2	RBM230328	28/03/2023	Các nội dung đề xuất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
3	RBM230420	20/04/2023	Việc bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT của công ty và chọn lựa công ty kiểm toán độc lập cho các năm tài chính 2024 và 2025 của công ty;
4	RBM230614	14/06/2023	Thay đổi thành viên chủ chốt của Công ty
5	RBM230719	19/07/2023	Công ty kê khai và chia cổ tức năm 2022
6	RBM230720	20/07/2023	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty
7	RBM230829	29/08/2023	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty; Thay đổi hai con dấu đang sử dụng của Công ty vì lý do đã bị hao mòn.
8	RBM230921	21/09/2023	Hợp đồng/ giao dịch giữa Công ty với những người/ tổ chức liên quan, người nội bộ của Công ty;
9	RBM231114	14/11/2023	Thành phần Ban Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2024 – 2026;

**2. BAN KIỂM SOÁT**

**THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)**

Stt	Họ tên	Chức vụ	Ngày trở thành thành viên BKS	Số lần tham dự cuộc họp BKS	%	Lý do vắng mặt
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng BKS	12/04/2019	2/2	100%	
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	12/04/2012	2/2	100%	
3	Ông Tsuneo Mitsudomi	Thành viên	21/04/2022	2/2	100%	
4	Ông Takashi Kobayashi	Thành viên	20/04/2023	0/2	0%	Bổ nhiệm có hiệu lực từ 20/04/2023

**❖ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG**

Trong năm 2023, BKS tiếp tục thực hiện kiểm tra, giám sát và đề xuất HĐQT thực hiện những thay đổi cần thiết nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, tăng cường hoạt động quản trị và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Những hoạt động chính của BKS trong năm 2023 như sau:

- Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD và BGD trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ phê chuẩn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Rà soát và kiểm tra các báo cáo tài chính (quý, bán niên và báo cáo năm) trong năm 2023 đã được soát xét và kiểm toán bởi KPMG Việt Nam để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán cũng như đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đáng tin cậy của các báo cáo tài chính.

**❖ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

- Tham dự cuộc họp và/hoặc tham gia thảo luận trong các cuộc họp HĐQT.
- Phối hợp với HĐQT trong việc giám sát hoạt động của TGD và Ban Giám đốc.

**❖ KÊ KHAI VÀ CHIA CỔ TỨC NĂM 2023**

HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông năm 2024 (AGM-2024) chấp thuận cho Công ty kê khai và chia cổ tức năm 2023 như sau:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2023 (VNĐ)
1	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	209,169,018,000
2	<b>Phân phối lợi nhuận, trong đó</b>	209,169,018,000
	Trích các quỹ theo quy định	0
	Chia cổ tức	209,138,361,600
	Tỷ lệ chia cổ tức	24.00 %
	Tỷ lệ thanh toán cổ tức	2,400 VNĐ/ cổ phiếu (share)
	Ngày thanh toán cổ tức	09/09/2024
	Phương thức thanh toán	Tiền/ Cash
3	<b>Lợi nhuận sau thuế sau khi phân phối</b>	<b>30,656,400</b>
4	<b>Ủy quyền thực hiện</b>	HĐQT Công ty có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục và giấy tờ cần thiết cho việc kê khai và thanh toán cổ tức đề cập ở trên tuân thủ các quy định và pháp luật hiện hành.

BKS đồng ý với đề xuất của HĐQT với nội dung như trên.

### 3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ĐƯỢC HĐQT BỔ NHIỆM VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

#### 3.1. Chi phí hoạt động của HĐQT

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Shogo Okamoto	Thành viên kiêm Chủ tịch HĐQT (từ 20/4/2023 đến 31/12/2023)	Xem “3.4– Chi phí hoạt động của Người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm”	
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên kiêm Chủ tịch HĐQT (từ 01/01/2023 đến 20/4/2023)	Xem “3.4– Chi phí hoạt động của Người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm”	
3	Ông Daisuke Hattori	Thành viên (từ 20/4/2023 đến 31/12/2023)	Xem “3.2– Chi phí hoạt động của Tổng Giám đốc”	
4	Ông Hajime Kawasaki	Thành viên (từ 01/01/2023 đến 20/4/2023)	Xem “3.2– Chi phí hoạt động của Tổng Giám đốc”	
	<b>Cộng - Total</b>			

#### 3.2 Chi phí hoạt động của Tổng Giám đốc:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Hajime Kawasaki	Tổng Giám đốc (từ 01/01/2023 đến 30/3/2023)	427.140.000	Phí biệt phái
2	Ông Daisuke Hattori	Tổng Giám đốc (từ 30/03/2023 đến 31/12/2023)	1.304.880.000	Phí biệt phái
	<b>Cộng - Total</b>		<b>1.732.020.000</b>	

#### 3.3 Thù lao của HĐQT: Không



### 3.4 Chi phí hoạt động của Người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Shogo Okamoto	Thành viên BGD/ Giám đốc Kế hoạch	1.154.680.000	Phí biệt phái (từ 01/01/2023 – 31/12/2023)
2	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên BGD/ Giám đốc Kiểm soát nội bộ	909.000.000	Lương (từ 1/1/2023 – 30/06/2023)
3	Ông Koichi Noda	Thành viên BGD/ Giám đốc Nhà máy	577.340.000	Phí biệt phái (từ 01/01/2023–31/12/2023)
4	Ông Kenichiro Wada	Thành viên BGD/ Giám đốc Tiếp thị kiêm Giám đốc Bán hàng	1.154.680.000	Phí biệt phái (từ 01/01/2023–31/12/2023)
5	Ông Nguyễn Hồng Phong	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán	955.950.000	Lương (từ 01/01/2023 – 31/12/2023)
	<b>Cộng</b>		<b>4.751.650.000</b>	

### 3.5. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng BKS	652.752.000	Lương (từ 01/01/2023 – 31/12/2023)
2	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên	0	
3	Ông Tsuneo Mitsudomi	Thành viên	0	20/04/2023 (Ngày không còn là thành viên BKS)
4	Ông Mr. Takashi Kobayashi	Thành viên	0	20/04/2023 (Ngày bắt đầu là thành viên BKS)
	<b>Cộng</b>		<b>652.752.000</b>	

**Ghi chú:** Phí biệt phái là khoản thanh toán của Công ty cho Kirin Holdings Company, Limited theo hợp đồng biệt phái, không trực tiếp chi trả cho các thành viên liên quan.

### 3.6.Thù lao của BKS: Không

#### **4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Trong năm 2023, không phát sinh giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn và những người có liên quan.

#### **5. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

- (A) Giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Nước Giải Khát Kirin Việt Nam - (ĐVT 1000 Đồng)
- (1) Phí gia công: 328.350.501
  - (2) Mua dịch vụ: 4.620.336
  - (3) Bán thành phẩm: 196.574
  - (4) Mua hàng hóa: 456.855
- (B) Giao dịch giữa Công ty và Kirin Holdings Company, Limited. (KH) - (ĐVT 1000 Đồng)
- (1) Phí biệt phái nhân sự: 7.958.918
  - (2) Mua dịch vụ: 63.488
- (C) Giao dịch giữa Công ty và Kyowa Hakko Bio Singapore Pte, Ltd - (ĐVT 1000 Đồng)
- (1) Mua hàng hóa: 4.081.250
- (D) Giao dịch giữa Công ty và Kirin Engineering Company, Limited - *Taipei Branch* - (ĐVT 1000 Đồng)
- (1) Mua hàng hóa: 10.756.499
- (E) Giao dịch giữa Công ty và Chi nhánh Công ty Kirin Engineering Company, Limited tại Việt Nam - (ĐVT 1000 Đồng)
- (1) Mua hàng hóa: 164.624
- (F) Giao dịch giữa Công ty và Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd - (ĐVT 1000 Đồng)
- (1) Mua dịch vụ: 13.071
  - (2) Chi trả cổ tức: 148.381.302

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023 (ĐÍNH KÈM)

- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ**  
Người đại diện theo pháp luật



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (Interfood)**

Lô 13, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, Đồng Nai - Tel: (0251) 3511138 - Fax: (0251) 3512498

Website: [www.wonderfarmonline.com](http://www.wonderfarmonline.com)



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023





**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Shogo Okamoto	Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)
	Ông Daisuke Hattori	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
	Ông Hiroaki Takaoka	Thành viên
	Ông Hajime Kawasaki	Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Daisuke Hattori	Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 3 năm 2023)
	Ông Hajime Kawasaki	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 3 năm 2023)
	Ông Koichi Noda	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
	Ông Shogo Okamoto	Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch/ Giám đốc Kiểm soát Nội bộ (từ ngày 1 tháng 7 năm 2023)
	Ông Kenichiro Wada	Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch (đến ngày 1 tháng 7 năm 2023)
	Ông Kenichiro Wada	Giám đốc/Giám đốc Marketing/ Giám đốc Kinh doanh
	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Kiểm soát Nội bộ (đến ngày 1 tháng 7 năm 2023)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Thanh Bách	Trưởng ban
	Bà Thái Thu Thảo	Thành viên
	Ông Takashi Kobayashi	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
	Ông Tsuneo Mitsudomi	Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước Phường Tam Phước, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Daisuke Hattori  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các **Cổ đông** **Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 35.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.







## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 23-01-00433-24-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

11  
10  
01  
12/1

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND'000</b>	<b>1/1/2023 VND'000</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.344.642.347</b>	<b>1.323.229.336</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>964.683.100</b>	<b>1.009.072.464</b>
Tiền	111		264.683.100	309.072.464
Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	700.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.886.629</b>	<b>47.254.470</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	35.605.873	30.176.163
Trả trước cho người bán	132		5.127.091	2.698.063
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.180.382	14.400.156
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(26.717)	(19.912)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>330.388.757</b>	<b>264.989.516</b>
Hàng tồn kho	141		330.956.492	270.753.347
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(567.735)	(5.763.831)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.683.861</b>	<b>1.912.886</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.683.861	1.771.663
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	141.223
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>120.942.511</b>	<b>121.500.401</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>929.020</b>	<b>932.520</b>
Phải thu dài hạn khác	216		929.020	932.520
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.224.421</b>	<b>76.634.339</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	68.856.280	75.940.395
Nguyên giá	222		433.594.540	430.859.779
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(364.738.260)	(354.919.384)
Tài sản cố định vô hình	227	11	368.141	693.944
Nguyên giá	228		14.082.575	14.082.575
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.714.434)	(13.388.631)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.064.137</b>	<b>-</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	10.064.137	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>40.724.933</b>	<b>43.933.542</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	28.617.910	31.256.120
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	12.107.023	12.677.422
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.465.584.858</b>	<b>1.444.729.737</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>209.936.248</b>	<b>242.564.944</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>207.612.972</b>	<b>238.980.797</b>
Phải trả người bán	311	15	110.503.871	153.223.134
Người mua trả tiền trước	312		5.103.947	12.929.934
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	21.518.742	8.143.206
Phải trả người lao động	314		9.431.751	9.262.235
Chi phí phải trả	315	17	59.492.352	54.019.225
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.562.309	1.403.063
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.323.276</b>	<b>3.584.147</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	2.323.276	3.584.147
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.255.648.610</b>	<b>1.202.164.793</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>1.255.648.610</b>	<b>1.202.164.793</b>
Vốn cổ phần	411	21	871.409.840	871.409.840
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		871.409.840	871.409.840
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704
Vốn khác của chủ sở hữu	420	22	90.034.048	90.034.048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		209.169.018	155.685.201
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		574.249	39.571
- Lợi nhuận sau thuế trong năm	421b		208.594.769	155.645.630
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.465.584.858</b>	<b>1.444.729.737</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Daisuke Hattori  
Tổng Giám đốc

2-00

IÁN / TR 1G

5 CV

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND'000	2022 VND'000
Doanh thu bán hàng	01	25	1.995.034.345	1.830.257.198
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	126.736.274	117.545.282
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>1.868.298.071</b>	<b>1.712.711.916</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	1.197.411.653	1.151.195.520
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>670.886.418</b>	<b>561.516.396</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	35.526.772	22.130.875
Chi phí tài chính	22		215.678	466.995
Chi phí bán hàng	25	28	398.247.290	359.312.454
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	43.342.788	36.476.380
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>264.607.434</b>	<b>187.391.442</b>
Thu nhập khác	31	30	3.064.897	7.902.438
Chi phí khác	32	31	5.469.364	1.749.715
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.404.467)</b>	<b>6.152.723</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>262.202.967</b>	<b>193.544.165</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	53.037.799	36.151.167
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	570.399	1.747.368
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>208.594.769</b>	<b>155.645.630</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 02 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023</b> VND'000	<b>2022</b> VND'000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (mang sang từ trang trước)	<b>60</b>		<b>208.594.769</b>	<b>155.645.630</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70	34	2.394	1.786

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Daisuke Hattori  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND'000</b>	<b>2022 VND'000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>262.202.967</b>	<b>193.544.165</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	10.908.244	16.015.331
Các khoản dự phòng	03	2.379.128	6.778.624
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	187.104	66.169
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(34.835.444)	(21.211.561)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>240.841.999</b>	<b>195.192.728</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(1.158.608)	(7.656.727)
Biến động hàng tồn kho	10	(68.583.986)	(91.733.553)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(41.106.648)	24.835.699
Biến động chi phí trả trước	12	726.012	(3.174.312)
		<b>130.718.769</b>	<b>117.463.835</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.639.648)	(32.543.529)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>85.079.121</b>	<b>84.920.306</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(11.687.508)	(4.333.170)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	37.165.581	16.229.033
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>25.478.073</b>	<b>11.895.863</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND'000	2022 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi trả cổ tức	36	(155.090.830)	(16.554.150)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(155.090.830)</b>	<b>(16.554.150)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(44.533.636)</b>	<b>80.262.019</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.009.072.464</b>	<b>928.623.068</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>144.272</b>	<b>187.377</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>964.683.100</b>	<b>1.009.072.464</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Daisuke Hattori  
Tổng Giám đốc

*The accompanying notes are an integral part of these financial statements*

## Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 7 tháng 11 năm 2016.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga, có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 897 nhân viên (1/1/2023: 876 nhân viên).

### (e) Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

Trong năm, phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và soát xét thông tin tài chính lần lượt là 1.360 triệu VND và 320 triệu VND (2022: lần lượt là 1.360 triệu VND và 320 triệu VND).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

11/11/2023

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	30 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa và bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ

11/01/2024

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Thuê**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê trong đó, theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty được lập lần lượt theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và bộ phận chia theo vùng địa lý.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**4. Báo cáo bộ phận****(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Nước giải khát; và
- Khác bao gồm các sản phẩm khác và phế liệu.

<b>2023</b>	<b>Nước giải khát VND'000</b>	<b>Khác VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	1.532.697.989	335.600.082	1.868.298.071
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.029.726.879)	(167.684.774)	(1.197.411.653)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	502.971.110	167.915.308	670.886.418
Chi phí bán hàng không phân bổ			(398.247.290)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(43.342.788)
Doanh thu hoạt động tài chính			35.526.772
Chi phí tài chính			(215.678)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			264.607.434
Kết quả từ các hoạt động khác			(2.404.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(53.608.198)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			208.594.769

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2022	Nước giải khát VND'000	Khác VND'000	Tổng VND'000
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	1.432.685.651	280.026.265	1.712.711.916
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.007.601.178)	(143.594.342)	(1.151.195.520)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	425.084.473	136.431.923	561.516.396
Chi phí bán hàng không phân bổ			(359.312.454)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(36.476.380)
Doanh thu hoạt động tài chính			22.130.875
Chi phí tài chính			(466.995)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			187.391.442
Kết quả từ các hoạt động khác			6.152.723
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(37.898.535)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			155.645.630

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý.

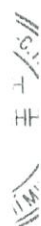
**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
Tiền mặt	115.015	176.244
Tiền gửi ngân hàng	264.568.085	308.896.220
Các khoản tương đương tiền	700.000.000	700.000.000
	964.683.100	1.009.072.464

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	6.792.060	3.792.630
Công ty TNHH MM Mega Market Việt Nam	6.092.794	4.302.407
Công ty TNHH Dịch vụ EB	5.450.771	6.757.415
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh	3.786.015	2.187.690
Các khách hàng khác	13.484.233	13.136.021
	<b>35.605.873</b>	<b>30.176.163</b>

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Ngắn hạn	35.605.873	30.176.163

**(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam, một bên liên quan	28.639	-

Khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	4.861.644	7.191.781
Phải thu bồi thường	-	6.730.108
Phải thu khác	318.738	478.267
	<b>5.180.382</b>	<b>14.400.156</b>





**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	19.912	13.938
Trích lập dự phòng trong năm	26.717	5.974
Sử dụng dự phòng trong năm	(19.912)	-
Số dư cuối năm	<u>26.717</u>	<u>19.912</u>

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND'000</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND'000</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND'000</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND'000</b>
Hàng mua đang đi đường	10.190.048	-	396.708	-
Nguyên vật liệu	51.786.471	-	74.731.931	-
Công cụ và dụng cụ	3.964.005	(296.819)	4.798.417	(296.819)
Sản phẩm dở dang	9.476.023	-	8.634.131	-
Thành phẩm	255.539.945	(270.916)	182.192.160	(5.467.012)
	<u>330.956.492</u>	<u>(567.735)</u>	<u>270.753.347</u>	<u>(5.763.831)</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	5.763.831	448.331
Trích lập dự phòng trong năm	3.184.745	6.367.258
Sử dụng dự phòng trong năm	(8.380.841)	(1.051.758)
Số dư cuối năm	<u>567.735</u>	<u>5.763.831</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 568 triệu VND (1/1/2023: 5.764 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời và chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	117.748.737	294.847.656	3.883.853	14.379.533	430.859.779
Tăng trong năm	-	2.815.026	-	683.300	3.498.326
Xóa sổ	-	(763.565)	-	-	(763.565)
Số dư cuối năm	117.748.737	296.899.117	3.883.853	15.062.833	433.594.540
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	59.839.344	278.396.486	3.539.915	13.143.639	354.919.384
Khấu hao trong năm	3.952.484	5.422.305	185.497	1.022.155	10.582.441
Xóa sổ	-	(763.565)	-	-	(763.565)
Số dư cuối năm	63,791,828	283,055,226	3,725,412	14,165,794	364,738,260
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	57.909.393	16.451.170	343.938	1.235.894	75.940.395
Số dư cuối năm	53.956.909	13.843.891	158.441	897.039	68.856.280

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 175.762 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 91.809 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 615 triệu VND (1/1/2023: 658 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	14.082.575
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	13.388.631
Khấu hao trong năm	325.803
Số dư cuối năm	13.714.434
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	693.944
Số dư cuối năm	368.141

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 13.334 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 1.851 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023 VND'000</b>
Tăng trong năm và số dư cuối năm	10.064.137

Công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2023 VND'000</b>	<b>1/1/2023 VND'000</b>
Nhà cửa	10.064.137	-

100  
100  
100  
100

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND'000	Chi phí khác VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	21.401.554	9.854.566	31.256.120
Tăng trong năm	-	3.912.982	3.912.982
Phân bổ trong năm	(695.985)	(5.855.207)	(6.551.192)
Số dư cuối năm	20.705.569	7.912.341	28.617.910

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:			
Chi phí phải trả	20%	11.523.479	10.803.845
Các khoản dự phòng	20%	583.544	1.873.577
		12.107.023	12.677.422

**15. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	31.770.779	31.770.779	37.214.495	37.214.495
Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can	22.221.339	22.221.339	13.830.620	13.830.620
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown (Đồng Nai)	1.054.869	1.054.869	46.531.755	46.531.755
Các nhà cung cấp khác	55.456.884	55.456.884	55.646.264	55.646.264
	110.503.871	110.503.871	153.223.134	153.223.134



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	110.503.871	110.503.871	153.223.134	153.223.134

**(c) Phải trả người bán là bên liên quan**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	31.770.779	31.770.779	37.214.495	37.214.495

Khoản phải trả thương mại cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả. Khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND'000	Phát sinh VND'000	Nộp VND'000	Cần trừ VND'000	31/12/2023 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	1.450.576	164.912.941	(116.111.340)	(42.652.833)	7.599.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.429.348	53.037.799	(45.639.648)	-	12.827.499
Thuế thu nhập cá nhân	1.263.282	6.980.993	(7.379.423)	-	864.852
Các loại thuế khác	-	1.521.712	(1.294.665)	-	227.047
	8.143.206	226.453.445	(170.425.076)	(42.652.833)	21.518.742

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chiết khấu thương mại và hoa hồng bán hàng	12.786.174	11.393.176
Chi phí khuyến mãi	9.217.533	8.709.425
Thưởng nhân viên bán hàng	6.119.096	6.827.743
Phí đặc phái nhân viên (*)	3.965.729	3.567.883
Chi phí vận chuyển	3.137.037	2.157.969
Phải trả cho điều chỉnh giá nôhm	-	3.992.133
Chi phí khác	24.266.783	17.370.896
	<hr/>	<hr/>
	59.492.352	54.019.225

- (\*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, công ty mẹ cấp cao, là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Công ty với mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Cổ tức phải trả	528.149	508.027
Phải trả phi thương mại cho một bên liên quan	410.346	389.707
Phải trả khác	623.814	505.329
	<hr/>	<hr/>
	1.562.309	1.403.063

Khoản phải trả phi thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

**19. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động trong năm của dự phòng phải trả như sau:

	<b>Dự phòng</b>
	<b>trợ cấp thôi việc</b>
	<b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	3.584.147
Trích lập dự phòng trong năm	194.097
Sử dụng dự phòng trong năm	(428.537)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.026.431)
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.323.276

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Vốn khác của chủ sở hữu VND'000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	871.409.840	85.035.704	90.034.048	16.596.357	1.063.075.949
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	155.645.630	155.645.630
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(16.556.786)	(16.556.786)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	871.409.840	85.035.704	90.034.048	155.685.201	1.202.164.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	208.594.769	208.594.769
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(155.110.952)	(155.110.952)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	871.409.840	85.035.704	90.034.048	209.169.018	1.255.648.610

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**22. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) để phù hợp với các quy định trong Thông tư 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được quy đổi sang VND theo tỷ giá là 1 USD bằng 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được ghi nhận trong vốn khác của chủ sở hữu.

**23. Cổ tức**

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 155.111 triệu VND (2022: 16.557 triệu VND).





**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong vòng 1 năm	4.105.089	3.899.718
Từ 2 đến 5 năm	5.609.160	7.393.511
	9.714.249	11.293.229

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND'000</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND'000</b>
USD	108.217	2.642.670	30.534	724.582

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ bán nước giải khát	1.647.690.974	1.538.077.002
▪ Doanh thu từ bán các sản phẩm khác	341.794.122	287.780.538
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	5.549.249	4.399.658
	1.995.034.345	1.830.257.198
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	126.736.274	117.545.282
Doanh thu thuần	1.868.298.071	1.712.711.916

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	1.029.726.879	1.007.601.178
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	167.684.774	143.594.342
	1.197.411.653	1.151.195.520

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	34.835.444	21.222.956
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	691.328	907.919
	35.526.772	22.130.875

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên và chi phí hỗ trợ	178.282.499	163.041.969
Chi phí vận chuyển	96.629.563	98.777.380
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	93.067.136	70.038.926
Chi phí thuê	12.635.916	10.544.437
Chi phí khác	17.632.176	16.909.742
	398.247.290	359.312.454

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	15.642.004	13.794.935
Chi phí thuê	2.451.038	1.480.769
Chi phí tư vấn	5.633.440	3.044.197
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.631.936	3.661.458
Chi phí khác	16.984.370	14.495.021
	<hr/>	<hr/>
	43.342.788	36.476.380
	<hr/>	<hr/>

**30. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
Thu nhập bồi thường	1.375.877	6.792.002
Thu nhập khác	1.689.020	1.110.436
	<hr/>	<hr/>
	3.064.897	7.902.438
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
Chi phí phạt	1.616.801	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời chưa sử dụng	43.672	43.672
Lỗi do thanh lý và xóa sổ tài sản cố định hữu hình	-	11.395
Chi phí khác	3.808.891	1.694.648
	<hr/>	<hr/>
	5.469.364	1.749.715
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	854.443.995	783.341.741
Chi phí nhân công, nhân viên và chi phí hỗ trợ	240.237.665	216.682.030
Chi phí khấu hao	10.908.244	16.015.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.375.590	591.874.181
Chi phí khác	29.634.832	20.941.048
	854.443.995	783.341.741

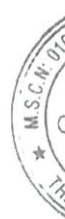
**33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	53.037.799	37.371.859
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(1.220.692)
	53.037.799	36.151.167
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	570.399	1.747.368
	570.399	1.747.368
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	53.608.198	37.898.535

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	262.202.967	193.544.165
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	52.440.593	38.708.833
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.167.605	410.394
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(1.220.692)
	53.608.198	37.898.535



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho nhà nước theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế (2022: 20%).

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	208.594.769	155.645.630

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2023</b> <b>Cổ phiếu</b>	<b>2022</b> <b>Cổ phiếu</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	87.140.984	87.140.984

**(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.394	1.786

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b> <b>VND'000</b>	<b>2022</b> <b>VND'000</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao</b>		
<b>Kirin Holdings Company, Limited</b>		
Phí đặc phái nhân viên	7.958.918	6.768.389
Mua dịch vụ	63.488	107.078
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Kirin Holding Singapore Pte. Ltd.</b>		
Cổ tức	148.381.302	15.838.454
Mua dịch vụ	13.071	-

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam</b>		
Phí gia công	328.350.501	350.741.923
Bán hàng hóa	196.574	256.210
Mua dịch vụ	4.620.336	3.207.400
Mua hàng hóa	57.589	1.151.215
Chi phí bồi thường	399.266	-
<b>Kyowa Hakko Bio Singapore Pte. Ltd.</b>		
Mua hàng hóa	4.081.520	10.825.670
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>	-	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
<i>Lương</i>		
Daisuke Hattori – Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	-
Hajime Kawasaki – Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 3 năm 2023)	-	-
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Lương</i>		
Nguyễn Thanh Bách – Trưởng ban	652.752	634.827
Thái Thu Thảo – Thành viên	54.000	54.000
Takashi Kobayashi – Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)	-	-
Tsuneo Mitsudomi – Thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2023)	-	-
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<b>(không bao gồm tất cả các mục được trình bày ở trên)</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.211.317	1.818.000
Phí đặc phái nhân viên	4.560.000	4.515.767

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	1.874.955	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Daisuke Hattori  
Tổng Giám đốc